TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ- ST
Ngày 18-6-2019
V/v ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Trung Dũng
- Ông Nguyễn Văn Tấn

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05-6-2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Đào Ngọc H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày. Tôi và anh Đào Ngọc H kết hôn với nhau ngày 21-11-2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do anh H hay uống rượu chè về nhà chửi mắng đánh đập tôi. Mâu thuẫn lớn xảy ra vào ngày 05-3-2019 anh H đánh tôi rất nhiều và rất đau, tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi ở Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sống ly thân anh H từ đó đến nay. Tôi xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh H.

Về con chung: Tôi và anh H có hai con chung tên là Đào Ngọc S, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 và Đào Minh H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu S và cháu H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh H không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2019 Bị đơn anh Đào Ngọc H trình bày: Tôi và anh cô Trịnh Thị T kết hôn với nhau ngày 21-11-2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến cuối tháng 2-2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tôi có nghi ngờ cô T có quan hệ ngoại tình. Hai vợ chồng đã đánh cãi chửi nhau. Cô T đã bỏ về nhà bỏ về nhà bố mẹ đẻ cô T ở Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sống ly thân với tôi từ đó đến nay. Tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, cô T xin ly hôn tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Tôi và cô T có hai con chung tên là Đào Ngọc S, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 và Đào Minh H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu Sơn và cháu Hiếu, không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và cô T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã tiến hành hòa giải vào các ngày 17-4-2019 và ngày 17-5-2019, nhưng Chị T và anh H không thỏa thuận được các vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 53, 55, 57, 81,82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Về tình cảm: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Trịnh Thị T và anh Đào Ngọc H thuận tình ly hôn; về con chung xử giao cháu Đào Ngọc S, sinh ngày 20 tháng 01

năm 2013 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đào Minh H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015 cho anh Đào Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm*: Tại phiên Tòa hôm nay chị Trịnh Thị T và anh Đào H thuận tình ly hôn.

{4} *Về con chung*: Chị T và anh H có hai con chung tên là Đào Ngọc S, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 và Đào Minh H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu S và cháu H, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu nếu không được trực tiếp nuôi cả hai cháu S và cháu H thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Sơn, để anh H nuôi cháu cháu Hiếu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi hai con, cả hai anh chị đều có công việc làm và thu nhập ổn định như nhau, nên giao cho mỗi người trực tiếp nuôi một người con là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế. Yêu cầu của chị T về nuôi con tại phiên tòa được chấp nhận. Áp dụng các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Đào Ngọc S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đào Minh H. cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

{6} *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 55, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về tình cảm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Chị Trịnh Thị T và anh Đào Ngọc H thuận tình ly hôn

2- Về con chung xử: Giao cháu Đào Ngọc S, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đào Minh H, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2015 cho anh Đào Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con, không ai được cản trở

3- Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0001309 ngày 02-4-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị T, anh Đào Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
-UBND xã L
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh